

Số: **397** /QĐ-BQLKKT

Cao Bằng, ngày 26 tháng 03 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

### TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3003/BKHCN-TĐC ngày 25/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2019 – 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành và áp dụng các văn bản, tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng (Ban hành kèm theo Danh mục tài liệu HTQLCL TCVN ISO 9001:2015).

**Điều 2.** Toàn bộ các phòng, đơn vị trực thuộc và cán bộ công chức thuộc Ban Quản lý khu kinh tế có trách nhiệm áp dụng, tuân thủ theo các văn bản, tài liệu HTQLCL TCVN ISO 9001:2015 của Ban Quản lý khu kinh tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng Ban, Ban chỉ đạo ISO, các phòng, đơn vị trực thuộc và cán bộ công chức thuộc Ban Quản lý khu kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *W*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP.

**TRƯỞNG BAN**



*Nguyễn Kiên Cường*

**Nguyễn Kiên Cường**



Phụ lục

**DANH MỤC TÀI LIỆU HTQLCL TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~297~~ /QĐ-BQLKKT ngày 26/03/2020 của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
<b>I. Tài liệu hệ thống chung</b>			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MH-HTQLCL	
4	Quy trình kiểm soát tài liệu, hồ sơ	QT-01/ISO	
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-02/ISO	
6	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-03/ISO	
7	Quy trình đánh giá nội bộ và họp xem xét lãnh đạo về HTQLCL	QT-04/ISO	
<b>II. Quy trình nội bộ</b>			
1	Mua sắm quản lý tài sản công	QT.01/QTNB	
<b>III. Quy trình giải quyết Thủ tục hành chính</b>			
<b>1. Lĩnh vực Đầu tư</b>			
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. BQL	QT.ĐT.01	
2.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. BQL	QT.ĐT.02	
3.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.03	
4.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư). BQL	QT.ĐT.04	
5.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. BQL	QT.ĐT.05	
6.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ Tướng Chính phủ. BQL	QT.ĐT.06	
7.	Chuyển nhượng dự án đầu tư. BQL	QT.ĐT.07	
8.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. BQL	QT.ĐT.08	
9.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài. BQL	QT.ĐT.09	

10.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.10	
11.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.11	
12.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.12	
13.	Giãn tiến độ đầu tư. BQL	QT.ĐT.13	
14.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư. BQL	QT.ĐT.14	
15.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. BQL	QT.ĐT.15	
16.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL	QT.ĐT.16	
17.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL	QT.ĐT.17	
18.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. BQL	QT.ĐT.18	
19.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư. BQL	QT.ĐT.19	
20.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. BQL	QT.ĐT.20	
21.	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.21	
22.	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	QT.ĐT.22	
<b>2. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng</b>			
1.	Giới thiệu địa điểm xây dựng và tuyến xây dựng công trình. BQL	QT.QHXD.01	
2.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết. BQL	QT.QHXD.02	
3.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết. BQL	QT.QHXD.03	
4.	Chấp thuận Tổng mặt bằng quy hoạch và kiến trúc công trình. BQL	QT.QHXD.04	
<b>3. Lĩnh vực Xây dựng</b>			
1.	Cấp GPXD đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý. BQL	QT.XD.01	
2.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc thẩm quyền Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh cấp GPXD. BQL	QT.XD.02	
<b>4. Lĩnh vực Thương mại quốc tế</b>			
1.	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL	QT.TMQT.01	
2.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL	QT.TMQT.02	



3.	Điều chỉnh, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL	QT.TMQT.03	
4.	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL	QT.TMQT.04	
5.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép. BQL	QT.TMQT.05	
<b>5. Lĩnh vực Việc làm</b>			
1.	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. BQL	QT.VL.01	
2.	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. BQL	QT.VL.02	
3.	Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại khu kinh tế không thuộc diện cấp giấy phép lao động. BQL	QT.VL.03	
<b>6. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu</b>			
1.	Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. BQL	QT.XNK.01	
<b>7. Lĩnh vực Đất đai và quản lý công sản</b>			
1.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT.QLDD.01	
2.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT.QLDD.02	
3.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT.QLDD.03	
8.	<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>		
1.	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế	QT.QLCS.01	
2.	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động	QT.QLCS.02	
3.	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	QT.QLCS.03	